

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T S
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Ph**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24/4/2024
“V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T S - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đình Sở.

2. Bà Trần Thị Khoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Cù Văn Ph**, sinh năm 1988.

HKTT: Xóm L P, xã V T, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 4, xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* Chị **Chương Thị Thanh T**, sinh năm 1990.

HKTT: Xóm L P, xã V T, huyện T S, tỉnh Phú Thọ.

(Anh Cù Văn Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 05/4/2024. Chị Chương Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 25/3/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2024, bản tự khai ngày 06/02/2024, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Cù Văn Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cù Văn Ph và chị Chương Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau năm 2011, hai bên được tự do tìm hiểu tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V T, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ chị T tại xóm L P, xã V T, huyện T S, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh Ph. Sau đó đến năm 2021 cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cách sống, trong làm ăn kinh tế gia đình, vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau, chị T cho rằng anh Ph có mối quan hệ bên ngoài, không yêu thương vợ con, nhiều lúc cãi nhau nóng giận chị T có đuổi anh Ph ra khỏi nhà vợ không cho ở, anh Ph có xin lỗi, tuy nhiên tình cảm vợ chồng cũng lạnh nhạt, vợ chồng không thông cảm, nhường nhịn nhau mà có lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì hai bên gia đình có biết, có khuyên bảo, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không tự khắc phục được. Chính vì cuộc sống gia đình căng thẳng nên vợ chồng sống ly thân từ khoảng cuối năm 2021 đến nay mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến nhau, anh Ph đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông để ở, sinh sống. Nay anh Ph xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm với chị T không còn, hôn nhân không đem lại hạnh Ph nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Anh Cù Văn Ph trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Cù Minh H, sinh ngày 08/02/2013. Hiện nay cháu H đang ở với chị T và bố mẹ chị từ khi sinh ra cho đến nay, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ. Khi ly hôn anh Ph đồng ý để chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến

khi cháu thành niên, anh Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000đ/01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung: Anh Cù Văn Ph không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Anh Cù Văn Ph trình bày vợ chồng không có, ly hôn anh không có đề nghị gì.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2024 bị đơn là chị Chương Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị T xây dựng gia đình với anh Ph, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V T, huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình bố mẹ đẻ chị T tại xóm L P, xã V T. Trong suốt thời gian vợ chồng sinh sống cùng nhau thì cuộc sống gia đình, tình cảm vẫn diễn ra bình thường. Tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2022 anh Ph có mối quan hệ bên ngoài, không chăm lo đến gia đình, vợ con, vợ chồng không được hòa hợp, bản thân chị T và bố mẹ đẻ chị có tha thứ, khuyên bảo anh Ph, anh Ph có xin lỗi, hứa sẽ sửa chữa thay đổi để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng anh không làm được điều đó. Cuộc sống vợ chồng căng thẳng nên anh Ph đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2022 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó mỗi người có một cuộc sống riêng không ai hỏi han, quan tâm đến nhau. Nay anh Ph có đơn ly hôn chị T không đồng ý ly hôn vì lý do anh Ph đưa ra để ly hôn chị là không chính đáng, nguyên nhân chính là do anh Ph không chung thủy với chị.

Về con chung: Chị Chương Thị Thanh T trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Cù Minh H, sinh ngày 08/02/2013. Hiện nay cháu H đang ở với chị T và bố mẹ chị từ khi sinh ra cho đến nay, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ. Nếu ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu thành niên, chị T yêu cầu anh Ph phải có trách nhiệm đối với con chung. Hiện tại chị T đang làm lao động tự do gần nhà có thu nhập từ 5 đến 6 triệu đồng/ 01 tháng, chị ở chung với bố mẹ đẻ có nhà ở kiên cố, rộng rãi, đàng hoàng, bố mẹ chị còn khỏe có thể hỗ trợ, chăm sóc cháu, đưa đón cháu đi học khi chị bận công việc. Chị

T khẳng định sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất về kinh tế, môi trường sống để con chung khôn lớn, trưởng thành.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn chị Chương Thị Thanh T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị Chương Thị Thanh T trình bày vợ chồng không có, khi ly hôn chị không có đề nghị gì.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án để làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Cù Văn Ph, xử cho anh Ph được ly hôn chị Chương Thị Thanh T. Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Cù Minh H, sinh ngày 08/02/2013 cho chị Chương Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Cù Văn Ph là có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000đ/ 01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2024 đến khi con chung thành niên. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Anh Cù Văn Ph phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/01/2024 anh Cù Văn Ph nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với chị Chương Thị Thanh T, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện T S, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 05/4/2024 anh Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ngày 25/3/2024 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cù Văn Ph và chị Chương Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau năm 2011, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V T, huyện T S, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật, từ khi đăng ký kết hôn thì xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình bố mẹ chị T tại xóm L P, xã V T, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh Ph. Đến khoảng năm 2022 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong cách ăn ở với nhau hàng ngày, anh Ph ít có sự quan tâm tới chị T, vợ chồng sống không còn tin tưởng và tôn trọng nhau dẫn đến không có tiếng nói chung trong gia đình, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, cãi nhau, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân không ai còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau, nay anh Ph nhận thấy hôn nhân không có hạnh Ph, tình cảm với chị T không còn nên xin ly hôn. Chị T cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, lý do anh Ph có mối quan hệ bên ngoài không chăm lo đến gia đình, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau, tuy nhiên chị T không đồng ý ly hôn với lý do anh Ph đưa ra để ly hôn chị là không chính đáng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Ph và chị T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng và tôn trọng nhau dẫn đến cãi nhau, vợ chồng hiện tại sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị T trình bày là anh Ph có quan hệ bất chính bên ngoài nhưng không đưa ra được bằng chứng cụ thể nào, thực tế hôn nhân giữa anh Ph và chị T không còn tồn tại. Trong quá trình làm việc chị T có

đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ vì lý do vợ chồng không có tiếng nói chung, không nhường nhịn nhau, chị T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, khắc phục mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại khu hành chính xóm L P, xã V T xác định vợ chồng anh Ph và chị T có mâu thuẫn, lý do vợ chồng không hiểu, thông cảm cho nhau, kinh tế gia đình chi phối, vợ chồng không tin tưởng nhau, đối xử với nhau không được tử tế, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau, anh Ph đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông để ở, sinh sống. Như vậy có thể thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa anh Ph và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T không đồng ý ly hôn là không chính đáng, muốn kéo dài thời gian để gây khó khăn cho anh Ph, chứ thực tế chị không muốn níu kéo tình cảm với anh Ph. Từ những căn cứ, phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Ph xin ly hôn với chị T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Cù Văn Ph và chị Chương Thị Thanh T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Cù Minh H, sinh ngày 08/02/2013. Hiện nay cháu H đang ở với chị T và bố mẹ chị từ khi sinh ra cho đến nay, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ. Tại bản tự khai của anh Ph khi ly hôn anh nhất trí để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng với mức là 2.000.000đ/ 01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng để chị T nuôi con chung đến khi thành niên. Tại bản tự khai của chị T thì khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu thành niên. Tại bản tự khai ngày 27/3/2024 của cháu Cù Minh H có nguyện vọng ở với mẹ, hiện nay con chung đang đi học ổn định và có hộ khẩu thường trú tại xóm L P, xã V T, huyện T S. Vì vậy Hội đồng xét xử cần giao cháu Cù Minh H cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Cù Văn Ph là anh Ph có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức là

2.000.000đ/ 01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi con chung thành niên.

[4] Về tài sản chung: Anh Cù Văn Ph và chị Chương Thị Thanh T đều không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Anh Cù Văn Ph và chị Chương Thị Thanh T đều xác định vợ chồng không có, ly hôn anh chị đều không có đề nghị gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Cù Văn Ph phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cù Văn Ph đối với chị Chương Thị Thanh T. Xử cho anh Cù Văn Ph được ly hôn chị Chương Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung của anh chị là cháu Cù Minh H, sinh ngày 08/02/2013 cho chị Chương Thị Thanh T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Anh Cù Văn Ph có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2024 đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn anh Cù Văn Ph không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Cù Văn Ph phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh Ph đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0004243 ngày 22/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T S, tỉnh Phú Thọ. Anh Cù Văn Ph phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử Ph thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã VT;
- UBND xã Vạn Xuân, huyện Tam Nông;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Quang Khải